

BÁO CÁO KẾT QUẢ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2022

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Mục tiêu và đối tượng khảo sát

- Mục tiêu là tìm hiểu đánh giá của sinh viên về các khía cạnh liên quan đến chất lượng nội dung chương trình, tính ứng dụng của kiến thức, kỹ năng trong chương trình; tìm hiểu tình trạng việc làm của sinh viên; ghi nhận những góp ý của sinh viên về chương trình đào tạo, giảng viên, hệ thống LMS, dịch vụ hỗ trợ. Từ những đánh giá đó, một số kiến nghị được đề xuất nhằm cải thiện chất lượng chương trình.

- Khảo sát thu thập ý kiến của sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân trực tuyến: Có 26 sinh viên tham gia trả lời trên Google Form.

1.2. Nội dung bảng câu hỏi

Bảng khảo sát bao gồm 19 câu hỏi gồm các nội dung về:

- Thông tin cá nhân;
- Thông tin về sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm hoặc chưa có việc làm;
- Đánh giá và góp ý của sinh viên về chương trình đào tạo.

Nội dung chi tiết của bảng câu hỏi như sau:

Bảng 1: Các câu hỏi khảo sát

PHẦN	THÔNG TIN CÁ NHÂN
Câu 1:	Anh/chị vui lòng cho biết họ và tên.
Câu 2:	Anh/chị đã tốt nghiệp ngành nào tại Trung tâm Đào tạo trực tuyến? - Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Quản

	trị nhân lực, Ngôn Ngữ Anh, Tài Chính - Ngân Hàng, Luật học, Luật Kinh tế, Marketing.
Câu 3:	Anh/chị đã tốt nghiệp loại - Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình – Khá, Trung bình.
Câu 4:	Anh/chị vui lòng cho biết trình trạng việc làm hiện nay của Anh/chị - Đã có việc làm, Chưa có việc làm.
PHẦN A	THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐÃ CÓ VIỆC LÀM
Câu 5:	Anh/ chị có việc làm khi nào - Có việc làm trước khi tốt nghiệp, Trong vòng 1 tháng sau khi tốt nghiệp, Từ 2 đến 3 tháng sau khi tốt nghiệp, Từ 4 đến 6 tháng sau khi tốt nghiệp, Trên 6 tháng sau khi tốt nghiệp.
Câu 6:	Tổ chức mà các anh/chị đang làm việc thuộc thành phần kinh tế nào? - Cơ quan hành chính sự nghiệp, Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, Doanh nghiệp nước ngoài/Tổ chức nước ngoài, Kinh doanh hộ gia đình, Khác (đáp viên tự điền).
Câu 7:	Mức thu nhập của cá nhân anh/chị bình quân/tháng? - Dưới 7 triệu, Từ 7 - < 15 triệu, Từ 15 - < 25 triệu, Từ 25 triệu trở lên.
Câu 8:	Theo ý kiến cá nhân, anh/chị có việc làm là do những yếu tố nào? Anh/chị có thể chọn nhiều đáp án. - Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng chuyên môn, Kỹ năng mềm, Khả năng ngoại ngữ, Khả năng tin học, Kinh nghiệm làm việc, Mối quan hệ/quen biết tốt, Vốn sống, Khác (đáp viên tự điền).
Câu 9:	Sau khi tốt nghiệp, công việc của anh/chị có thay đổi gì so với trước khi tốt nghiệp không? - Không thay đổi, Thay đổi tích cực hơn, Thay đổi tiêu cực hơn.
Câu 10:	Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo của chương trình Cử nhân trực tuyến đến công việc hiện tại? (mỗi phát biểu chọn một trong các mức độ: Không ảnh hưởng, Ít ảnh hưởng, Bình thường, Khá ảnh hưởng, Rất ảnh hưởng)

	<p>hưởng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội thăng chức trong công việc; Cơ hội tăng lương; Cơ hội phát triển sự nghiệp; Cơ hội vận dụng kiến thức;
Câu 11:	<p>Anh/chị sử dụng bao nhiêu % _____ đã học cho công việc hiện tại? (mỗi phát biểu chọn một trong các mức độ: 0%-20%, 21%-40%, 41%-60%, 61%-80%, 81%-100%).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức đại cương, Kiến thức chuyên ngành, Kiến thức về kỹ năng mềm, Kiến thức ngoại ngữ, Kiến thức tin học.
PHẦN B	THÔNG TIN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CHƯA CÓ VIỆC LÀM TỪ KHI TỐT NGHIỆP
Câu 12:	<p>Những nguyên nhân dẫn đến việc anh/chị chưa có việc làm?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học thêm một chương trình khác, Chưa có ý định tìm việc, Đang phỏng vấn, tìm việc, Thiếu thông tin tuyển dụng, Thiếu kiến thức chuyên môn, Thiếu kỹ năng cần thiết, Thiếu kinh nghiệm làm việc, Thiếu khả năng ngoại ngữ, Thiếu khả năng tin học, Thiếu mối quan hệ xã hội, Khác (đáp viên tự điền).
PHẦN C	ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Câu 13:	<p>MỨC ĐỘ ĐỒNG Ý Vui lòng cho biết mức độ đồng ý của anh/chị đối với các yếu tố sau bằng cách dùng thang điểm từ 1 đến 5 với “1 là Hoàn toàn không đồng ý” tăng dần đến 5 là “Hoàn toàn đồng ý”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội; - Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý; - Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học; - Chương trình đào tạo giúp nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; - Chương trình đào tạo giúp nâng cao trách nhiệm đối với xã hội.
Câu 14:	<p>Những kỹ năng anh/chị có được từ chương trình Cử nhân trực tuyến_____. Vui lòng chọn tất cả những câu trả lời phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, Kỹ năng nghề nghiệp, Kỹ năng sử

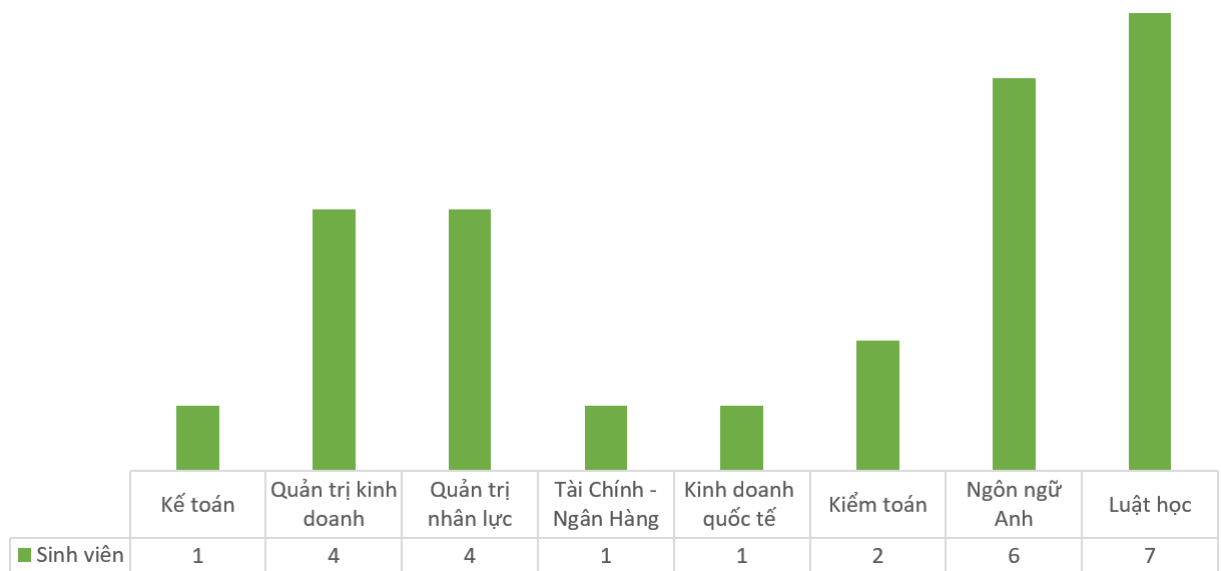
	dụng ngoại ngữ, Kỹ năng tin học, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, Kỹ năng làm việc độc lập, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng quản lý và lãnh đạo.
PHẦN D	THÔNG TIN BỔ SUNG
Câu 15:	Những kiến thức và/hoặc kỹ năng cần bổ sung cho công việc của anh/chị (Câu hỏi mở).
Câu 16:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về chương trình đào tạo (Câu hỏi mở).
Câu 17:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về hoạt động giảng dạy của Giảng viên (Câu hỏi mở).
Câu 18:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về hệ thống LMS (Câu hỏi mở).
Câu 19:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về dịch vụ hỗ trợ sinh viên tại trường (Câu hỏi mở).

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.1. Thông tin sinh viên

2.1.1. Ngành học

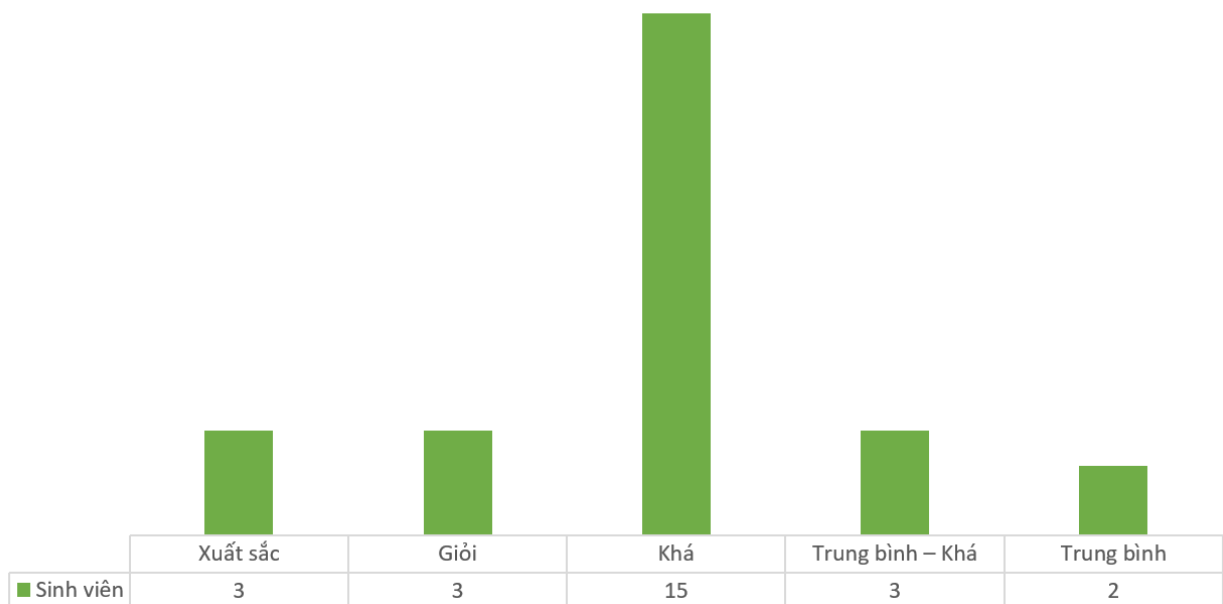
Đợt khảo sát này có 26 sinh viên đã tốt nghiệp tham gia khảo sát. Trong đó, ngành Luật học và Ngôn ngữ Anh nhiều nhất với lần lượt là 7 và 6 sinh viên mỗi ngành. Ngành có nhiều sinh viên tiếp theo là Quản trị kinh doanh và Quản trị nhân lực với 4 sinh viên mỗi ngành. Các ngành còn lại có 1-2 sinh viên tham gia khảo sát.



Hình 1: Thống kê theo ngành học

2.1.2. Xếp loại tốt nghiệp

80% sinh viên tham gia khảo sát đều tốt nghiệp loại Khá, Giỏi và Xuất sắc. Trong đó, sinh viên loại Khá là 15 sinh viên; loại Giỏi 3 sinh viên và loại Xuất sắc 3 sinh viên.



Hình 2: Thống kê theo xếp loại học lực

2.2. Thông tin về việc làm của sinh viên

2.2.1. Thông tin chung

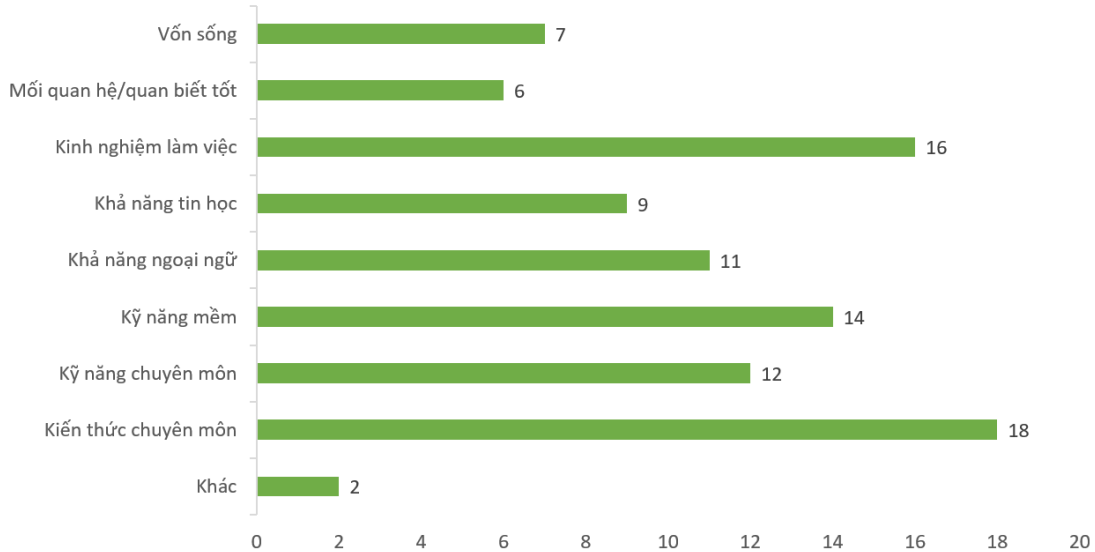
- Tình trạng việc làm: 96% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm.
- Thời điểm có việc làm: 100% sinh viên có việc làm trước khi tốt nghiệp.
- Thành phần kinh tế:
 - + 16% sinh viên làm việc trong doanh nghiệp nhà nước;
 - + 20% làm việc trong doanh nghiệp tư nhân;
 - + 28% làm việc trong doanh nghiệp nước ngoài.
- Thu nhập hàng tháng:
 - + 44% sinh viên cho biết có thu nhập 7-15 triệu mỗi tháng;
 - + 12% có thu nhập từ 15 triệu trở lên;
 - + 28% có thu nhập từ 25 triệu mỗi tháng.
- Thay đổi trong công việc sau khi tốt nghiệp: 64% sinh viên tốt nghiệp đều có những thay đổi tích cực hơn trong công việc.

Bảng 2: Thông tin chung về việc làm của sinh viên

Thông tin chung	Thông tin chi tiết	Số lượng sinh viên
Tình trạng việc làm	Đã có việc làm	25
	Chưa có việc làm	1
Thời điểm có việc làm	Trước khi tốt nghiệp	25
Thành phần kinh tế	Doanh nghiệp nhà nước	4
	Doanh nghiệp tư nhân	5
	Doanh nghiệp nước ngoài	7
	Cơ quan hành chính sự nghiệp	7
	Khác	2
Thu nhập hàng tháng	Dưới 7 triệu	4
	Từ 7 đến 15 triệu	11
	Từ 15 đến 25 triệu	3
	Từ 25 triệu trở lên	7
Thay đổi trong công việc sau khi tốt nghiệp	Thay đổi tích cực	16
	Không thay đổi	9

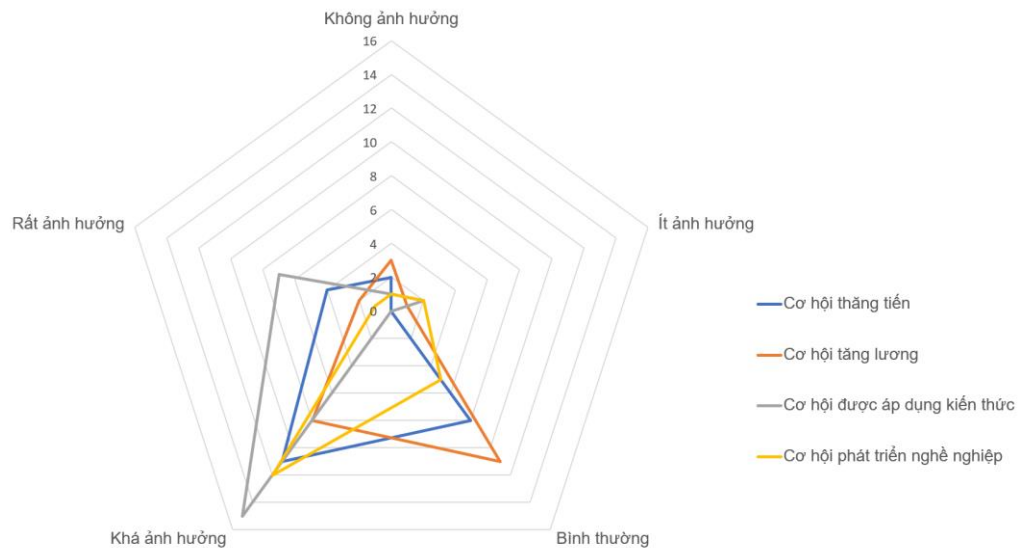
2.2.2. Đánh giá của sinh viên về yếu tố quyết định khả năng tìm được việc làm

Đối với sinh viên, kiến thức chuyên môn là điều kiện cần nhất để tìm được việc làm (18 lần lựa chọn). Hai điều kiện quan trọng tiếp theo là kinh nghiệm làm việc (16 lần) và kỹ năng mềm (14 lần). Mối quan hệ/quen biết tốt ít quan trọng nhất (6 lần).



Hình 3: Các yếu tố quyết định khả năng có việc làm

2.2.3. Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đến các cơ hội



Hình 4: Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đến các cơ hội

- Đối với cơ hội thăng tiến và tăng lương: Chương trình đào tạo ảnh hưởng ở mức trung bình khá đối với các cơ hội này, với 19/25 lựa chọn.

- Đối với cơ hội áp dụng kiến thức và phát triển nghề nghiệp: Sinh viên cho rằng chương trình đào tạo có ảnh hưởng đáng kể, với lần lượt là 22 và 17 lựa chọn.

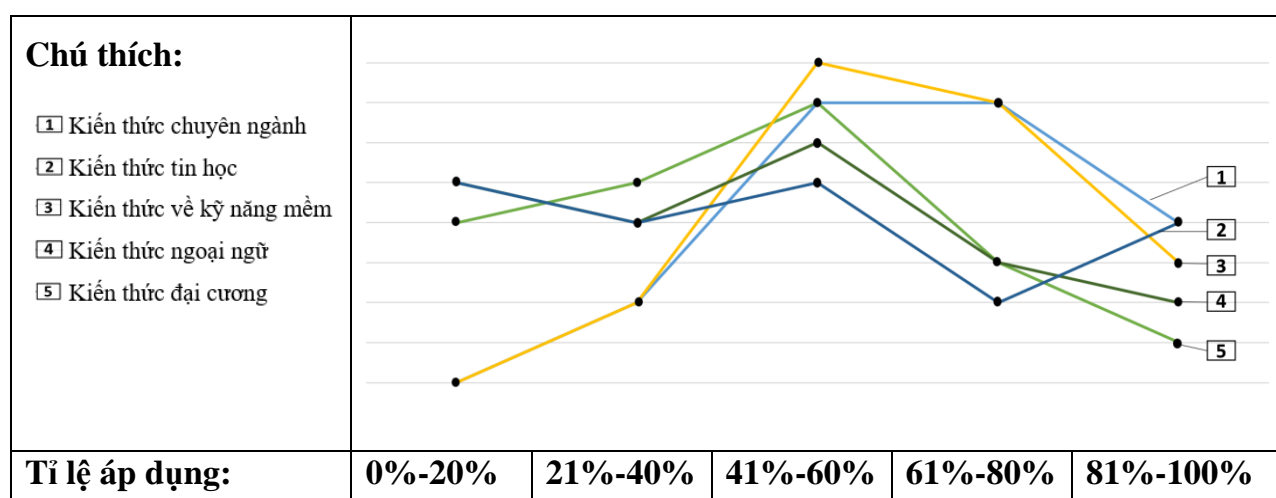
Bảng 3: Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đến các cơ hội

	Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Bình thường	Khá ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng
Cơ hội thăng tiến	2	0	8	11	4
Cơ hội tăng lương	3	1	11	8	2
Cơ hội áp dụng kiến thức	1	2	0	15	7
Cơ hội phát triển nghề nghiệp	1	2	5	12	5

2.2.4. Mức độ áp dụng kiến thức trong công việc

- Kiến thức đại cương: sinh viên thường áp dụng từ 20-60% vào công việc.
- Kiến thức chuyên ngành: được áp dụng với tỉ lệ 40-80%.
- Kỹ năng mềm: hơn 40% kiến thức về kỹ năng mềm được áp dụng.
- Ngoại ngữ: được áp dụng từ 40-60%.
- Tin học: đa số áp dụng kiến thức này dưới 60%. Nhóm khác áp dụng trên 80%.

Bảng 4: Mức độ áp dụng kiến thức trong công việc



K.T. đại cương	5	6	8	4	2
K.T. chuyên ngành	1	3	8	8	5
K.T. kỹ năng mềm	1	3	9	8	4
K.T. ngoại ngữ	6	5	7	4	3
K.T. tin học	6	5	6	3	5

2.3. Đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo

2.3.1. Mức độ đồng ý của sinh viên về chương trình đào tạo

Sinh viên đánh giá rất tốt về chương trình đào tạo. Khoảng 80% sinh viên đều đồng ý rằng: nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội; trình tự các môn học được tổ chức hợp lý; việc kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học; chương trình đào tạo giúp nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội. Bảng bên dưới thể hiện số người đồng ý với các nhận xét vừa nêu:

Bảng 5: Mức độ đồng ý của sinh viên về chương trình đào tạo

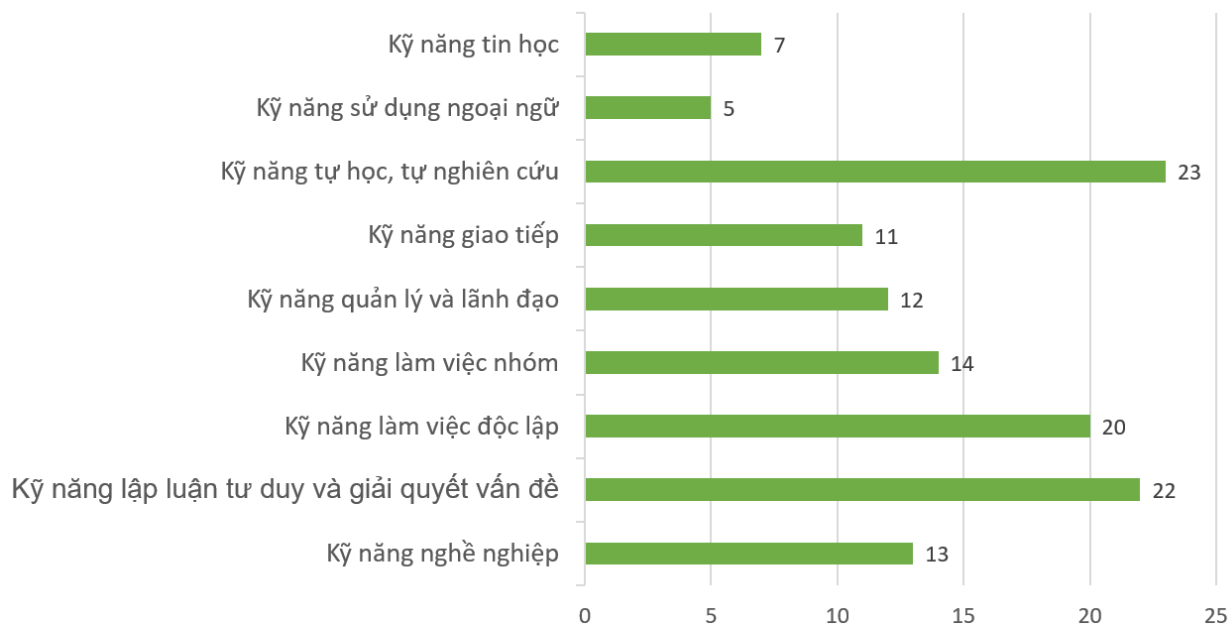
	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội	6	13	6
Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	4	13	8
Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	5	13	6
Chương trình nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	5	13	6
Chương trình nâng cao trách nhiệm đối với xã hội	6	13	6

2.3.2. Đánh giá của sinh viên về các kỹ năng có được từ chương trình đào tạo

- Các kỹ năng được sinh viên lựa chọn nhiều nhất (>20 lượt): kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; lập luận tư duy và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập.

- Các kỹ năng được sinh viên lựa chọn nhiều thứ hai (>10 lượt): kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng nghề nghiệp; kỹ năng quản lý và lãnh đạo; kỹ năng giao tiếp.

- Các kỹ năng có ít hơn 10 lượt chọn: kỹ năng tin học; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ.



Hình 5: Kỹ năng có được sau khi hoàn thành chương trình

3. CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

3.1. Những kiến thức và kỹ năng mà sinh viên muốn bổ sung

- Kiến thức về ngoại ngữ và tin học (tin học quốc tế, ví dụ MOS; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế);
- Kiến thức chuyên sâu về ngành;
- Bổ sung nhiều bài tập và ví dụ thực tế;
- Kỹ năng viết CV, trả lời phỏng vấn ứng tuyển việc làm;
- Kỹ năng tìm học bổng tương ứng với ngành;
- Kỹ năng quản lý công việc.

3.2. Ý kiến về chương trình đào tạo

- Cần thực hiện khâu xét tốt nghiệp nhanh hơn;
- Kiểm tra, thi cử cần có nội dung bám sát với giáo trình;
- Tăng cường thực hành, chương trình học hơi thiên về lý thuyết;

- Tăng cường các môn về ngoại ngữ, tin học và kỹ năng giao tiếp, đàm phán;
- Ứng dụng video conference để tương tác và học với giảng viên trong mỗi môn;
- Cần cập nhật điểm, thông tin cho sinh viên nhanh hơn;
- Có phần câu hỏi về nội dung bài giảng sau mỗi video của mỗi chương;
- Giảm bớt phần làm việc nhóm vì không hiệu quả;
- Cần thay đổi linh hoạt đề thi hằng năm.

3.3. Ý kiến về hoạt động giảng dạy

- Giảng viên cần tương tác nhiều hơn trên diễn đàn để kịp thời động viên và hỗ trợ sinh viên; tổ chức nhiều video conference hơn để ôn tập cho sinh viên trước kỳ thi;
- Tăng cường các video, case study cho bài giảng, cung cấp các đường link hữu ích liên quan đến môn học để sinh viên tham khảo thêm;
- Giảng viên cần có thái độ tích cực khi phản hồi các câu hỏi của học viên.

3.4. Ý kiến về hệ thống LMS

- Nên thay đổi giao diện của hệ thống;
- Duy trì 1 hệ thống duy nhất.

3.5. Ý kiến về dịch vụ hỗ trợ sinh viên

- Công tác hành chính còn nhiều vướng mắc, cần cải thiện.
- Cần cập nhật những thông tin qua email kịp thời, và sát với câu hỏi của sinh viên.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

80% sinh viên tham gia khảo sát có học lực khá, giỏi và xuất sắc. 96% người đã có việc làm từ trước khi tham gia chương trình Cử nhân trực tuyến và điều này phản ánh đúng đối tượng học viên mà Trung tâm hướng đến.

Ngoài ra, sinh viên đánh giá rất cao mức độ phù hợp và hữu ích của chương trình đào tạo. Họ không chỉ học hỏi được nhiều kiến thức, mà còn rèn luyện được nhiều kỹ năng để áp dụng trong công việc. Nổi bật nhất là kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Điều này chứng tỏ rằng các hoạt động học tập trong chương trình đã khơi gợi cho sinh viên tính ham học hỏi, tìm hiểu, nghiên cứu và giải quyết những vấn đề mới. Bên cạnh đó, kỹ năng được sinh viên đánh giá cao thứ nhì là kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề. Đây là tín hiệu rất tích cực vì kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề cũng chính là chìa khóa giúp sinh viên thành công và thăng tiến hơn trong sự nghiệp của mình.

4.2. Kiến nghị

Thứ nhất, các góp ý của sinh viên là hữu ích đối với công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có thể tham khảo những kiến nghị phù hợp để cải tiến chất lượng.

Thứ hai, ngoại ngữ và tin học là một trong các yếu tố quan trọng đối với công việc của sinh viên. Nhưng tỉ lệ áp dụng kiến thức ngoại ngữ và tin học vào công việc là chưa cao. Do đó, các khóa học bồi dưỡng (theo phương thức trực tuyến) về ngoại ngữ chuyên ngành, tin học văn phòng có thể là sự bổ sung cần thiết cho sinh viên.

Thứ ba, việc khảo sát sinh viên nên được hoàn thành trước khi họ nhận kết quả xét tốt nghiệp để thu thập được nhiều ý kiến của sinh viên hơn./.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Phan Thị Ngọc Thanh

NGƯỜI THỰC HIỆN

(đã ký)

Vương Minh Khoa